

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258A/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Xuân Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Tâm
2. Ông Tạ Hồng Thái

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh D

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trang Nguyệt P

Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Lê Thanh D trình bày:* Ông và bà Trang Nguyệt P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2011. Thời gian chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, ông đã cố hàn gắn nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà Trang Nguyệt P.

Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên chưa yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn bà Trang Nguyệt P trình bày:* Bà thống nhất ly hôn với ông D vì ông bà mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tuy nhiên, bà yêu cầu ông D phải hỗ trợ 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền công sức lao động trong thời gian vợ chồng sống chung 09 năm thì bà mới đồng ý ký tên ly hôn. Bởi vì trong thời gian sống chung, bà phải đi làm lo cho gia đình, trong khi ông D không có trách nhiệm với gia đình, bà phải phá thai 06 lần, đến nay, sức khỏe của bà bị suy giảm nên bà cần tiền để ổn định cuộc sống sau này.

Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên chưa yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà P đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện ông D phải hỗ trợ cho bà số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Lê Thanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trang Nguyệt P nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Trang Nguyệt P cư trú tại ấp B, xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Thanh D và bà Trang Nguyệt P đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2011. Do đó, hôn nhân giữa ông D và bà P là hợp pháp. Ông D yêu cầu ly hôn với bà P là do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà đã không sống chung từ khi kết hôn đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà P cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông D và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D, cho ông D ly hôn với bà P là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Ông bà trình bày không có và cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[6] *Về nợ chung*: Ông D và bà P trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về yêu cầu của bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án, bà P yêu cầu ông D phải hỗ trợ cho bà số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì và mới đồng ý ký tên ly hôn. Xét thấy, bà P không có làm đơn yêu cầu và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[8] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lê Thanh D phải chịu án phí là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 202 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh D được ly hôn với bà Trang Nguyệt P.

2. Về con chung: không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Lê Thanh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Lê Thanh D đã nộp theo biên lai số 0003268 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, ông Lê Thanh D không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, **7a và 7b** và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh;
- UBND xã V, TP. Vị Thanh;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Xuân Tình**